TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮKLẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số: 02/2020/DSST
Ngày 30/03/2020.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thu; 2. Ông Y Đưng Knul.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê Kdăm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-DS ngày 13/03/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Thanh T - Sinh năm 1979

Trú tại: Thôn 10, xã H, TP.B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phạm Hoài Q – sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà 79 đường A, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Vũ Thị Ngọc B - Sinh năm 1968

Trú tại: Buôn T, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2019 của anh Trương Thanh T. Bản tự khai, và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Hoài Q trình bày:

Ngày 25/9/2018 anh Trương Thanh T cho bà Vũ Thị Ngọc B vay số tiền 50.000.000đồng, hẹn trả vào ngày 05/10/2018, lãi suất hai bên thỏa thuận dựa trên quy định của pháp luật tại thời điểm cho vay là 0,9%/tháng; đến ngày 17/10/2018 anh T cho bà B vay tiếp số tiền 300.000.000đồng, hẹn trả ngày 05/11/2018, lãi suất hai bên thỏa thuận dựa trên quy định của pháp luật tại thời điểm cho vay là 0,9%/tháng. Tổng cộng bà B vay của anh T hai lần với số tiền là 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên đến nay bà B vẫn chưa trả nợ cho anh T, mặt dù anh T đã nhiều lần nhắc nhở trả nợ nhưng bà B cố tình chây ì, trốn tránh không chịu trả nợ cho anh T. Vì vậy, anh Trương Thanh T làm đơn khởi kiện đề

nghị Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị Ngọc B trả cho anh T số nợ gốc 350.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/11/2018 đến ngày xét xử 30/3/2020 là 53.000.000đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 403.000.000đồng (Bốn trăm linh ba triệu đồng).

- Sau khi thụ lý Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã triệu tập bị đơn bà Vũ Thị Ngọc B lên Tòa án làm việc và nhận thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi bà Vũ Thị Ngọc B đăng ký hộ khẩu thường trú và ghi trong hợp đồng mượn tiền. Qua xác minh tại Công an xã Krông Na, huyện Buôn Đôn cung cấp: Bà Vũ Thị Ngọc B có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Buôn T, xã K, huyện B một thời gian nhưng hiện nay bà Vũ Thị Ngọc B đã đi khỏi nơi cư trú, không khai báo với chính quyền địa phương nên hiện nay không biết bà Vũ Thị Ngọc B đang làm gì, ở đâu.

Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại nhà bà Vũ Thị Ngọc B, Ủy ban nhân dân xã K nơi bà B cư trú và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn nhiều lần nhưng bà B vắng mặt tại phiên hòa giải không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự lập biên bản không tiến hành hòa giải được và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của Kiểm sát viên: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật dân sự.

Đề nghị áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Vũ Thị Ngọc B.

Buộc bị đơn bà Vũ Thị Ngọc B trả cho anh Trương Thanh T số tiền gốc là 350.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/3/2020 là 53.000.000đồng, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét hợp đồng cho mượn tiền lập ngày 25/9/2018 và ngày 17/10/2018 giữa anh Trương Thanh T và bà Vũ Thị Ngọc B thì đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay, bị đơn bà Vũ Thị Ngọc B vắng mặt lần thứ 02 không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy hợp đồng cho mượn tiền lập ngày 25/9/2018 và hợp đồng cho mượn tiền lập ngày 17/10/2018 giữa anh Trương Thanh T và bà Vũ Thị Ngọc B là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, được thể hiện bằng văn bản hợp đồng mượn tiền, anh T cho bà B mượn tổng số tiền là 350.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ nhưng bà B không trả, mặt dù anh T đã nhiều lần đòi nợ nhưng không được như vậy bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Thanh T là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.1] Đối với số tiền lãi nguyên đơn đề nghị mức lãi suất 0,9%/tháng tính từ ngày 05/11/2018 đến ngày 30/3/2020 là 53.000.000đồng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mức lãi suất anh T tính 0,9%/tháng là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Vũ Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả cho anh T 53.000.000đồng tiền lãi.

Do đó, tổng số tiền gốc và lãi bà Vũ Thị Ngọc B phải trả cho anh Trương Thanh T là 403.000.000đồng (Trong đó nợ gốc 350.000.000đồng và nợ lãi tính đến ngày 30/3/2020 là 53.000.000đồng).

[3] Xét thấy việc vắng mặt của bà Vũ Thị Ngọc B tại nơi cư trú: Trong đơn khởi kiện anh Trương Thanh T đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà Vũ Thị Ngọc B theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng mượn tiền và sổ hộ khẩu của bà B. Việc bà B thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP thì được coi là cố tình dấu địa chỉ. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết và giám định chữ ký của bà Bích trong hợp đồng mượn tiền để xét xử vụ án.

[4] Về chi phí giám định: Xét kết luận giám định số: 14/PC09 ngày 28/02/2020 chứng minh yêu cầu của anh T là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử căn cứ các điều 160, 161 và 162 của Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc bà Vũ Thị Ngọc B phải chịu 3.000.000đồng chi phí giám định. Anh Trương Thanh T đã nộp tạm ứng số tiền là 3.000.000đồng và đã chi phí hết số tiền này nên bà Vũ Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả lại cho anh Trương Thanh T 3.000.000đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Trương Thanh T được chấp nhận nên anh T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Vũ Thị Ngọc B phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 162, Điều 203 và b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Thanh T. Buộc bà Vũ Thị Ngọc B phải trả cho anh Trương Thanh T số tiền 403.000.000đồng (Bốn trăm linh ba triệu đồng). Trong đó nợ gốc 350.000.000đồng và nợ lãi tính đến ngày 30/3/2020 là 53.000.000đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về chi phí giám định: Bà Vũ Thị Ngọc B có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Trương Thanh T số tiền 3.000.000 đồng (tạm ứng chi phí giám định).

Về án phí: Bà Vũ Thị Ngọc B phải nộp 20.120.000 đồng (Hai mươi triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Trương Thanh T 9.700.000 đồng (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0009911 ngày 04/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh ĐắkLắk.

" Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKS huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn